

TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN- CÔNG TY CỔ PHẦN
SỐ 8 - BẠCH ĐẰNG - P. MINH KHAI - TP. HUNG YÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN – CTCP
NĂM 2018

Hưng Yên, tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
3.1 Mô hình quản trị của Tổng công ty	5
3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty:	6
3.3 Các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty:	7
4. Định hướng phát triển	9
5. Các rủi ro	10
II. Tình hình hoạt động trong năm 2018	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức và nhân sự	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	13
3.1) Tình hình đầu tư năm 2018:	13
3.2) Các công ty con, công ty liên kết:	13
4. Tình hình tài chính	14
4.1 Tình hình tài chính:	14
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	14
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	15
5.1 Cổ phần:	15
5.2 Cơ cấu cổ đông:	15
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: <i>Không thay đổi</i>	15
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không	15
5.5 Các chứng khoán khác: Không	15
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	15
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:	15
6.2 Tiêu thụ năng lượng	15
6.3. Tiêu thụ nước:	16
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	16
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động	16
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	17
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của	17
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	17

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2. Tình hình tài chính	18
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	18
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không	19
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	19
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	21
1/ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	21
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	21
V. Báo cáo tài chính	22
1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn bộ.	22
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	22

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN – CÔNG TY CỔ PHẦN
Năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty May Hưng Yên – Công ty cổ phần**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *0900108038 cấp lần đầu ngày 4/1/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/10/2015.*
- Vốn điều lệ: 135.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: *135.500.000.000 đồng*
- Địa chỉ: Số 8 đường Bạch Đằng, phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Số điện thoại: 0221 862314 - Website: hugaco.vn

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Tổng Công ty là Xí nghiệp May Xuất khẩu Hải Hưng, trực thuộc TOCONTAP – Bộ Ngoại Thương, được thành lập từ năm 1966.

Giai đoạn trước năm 2000

Do ra đời trong hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh, trong 10 năm (từ năm 1966 đến năm 1975), xí nghiệp phải tổ chức sản xuất trong điều kiện sơ tán, gặp nhiều khó khăn. Có thời điểm công nhân của Xí nghiệp phải làm đêm và nghỉ ngày để tránh sự phá hoại.

Năm 1976, sau khi rời địa điểm sơ tán, Công ty được chuyển về đường Trưng Trắc, Minh Khai, Thị xã Hưng Yên để xây dựng cơ sở mới. Trong giai đoạn này, việc tổ chức sản xuất và chăm lo đời sống cho công nhân còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện thiết bị và công nghệ lạc hậu; cơ chế quản lý của Nhà nước đang trong giai đoạn tìm ra hướng đi phù hợp. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì sản xuất, mạnh dạn cùng các doanh nghiệp dệt may tham gia sản xuất hàng gia công cho Liên Xô thông qua Hiệp định 19/5 để đổi lấy hàng hóa, nhằm cải thiện đời sống cho người lao động. Dù còn nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh doanh.

Từ năm 1990, trước chính sách đổi mới và phát triển kinh tế của Đảng và sự khủng hoảng chính trị ở Đông Âu làm mất thị trường xuất khẩu hàng may mặc, Công ty May Hưng Yên đã mở thêm cơ sở sản xuất ở trục Quốc lộ 5 thuộc huyện Mỹ Hào, Hưng Yên để mở rộng thị trường vào Tây Âu và Nhật Bản. Cùng với sự giúp đỡ của bạn bè

trong và ngoài nước, trong giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2000, Công ty đã vượt qua khó khăn, củng cố sản xuất và mở thêm 2 nhà máy mới, nâng giá trị sản xuất công nghiệp tăng lên 2,5 lần, tạo thêm việc làm cho gần 3.000 lao động. Mức thu nhập của người lao động trong giai đoạn này đã đi vào ổn định và phát triển.

Giai đoạn 2000 – 2010

Trong giai đoạn 2000 - 2010, Công ty đã mở rộng sản xuất tại Hưng Yên và cùng tham gia xây dựng thêm 4 nhà máy, nâng giá trị doanh thu hàng năm đạt trên 1.000 tỷ đồng, tạo thêm việc làm cho gần 5.000 lao động, đưa số lao động trong toàn hệ thống lên trên 10.000 người. Trong thời kỳ này, Công ty liên tục cải tiến phương thức quản lý, áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ; đầu tư đổi mới thiết bị và cải tạo nhà xưởng; áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào quản lý vào sản xuất qua đó nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người lao động. Năm 2004 công ty được cổ phần hóa và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Năm 2005, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần May Hưng Yên. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 04/01/2005 với vốn điều lệ ban đầu là 13.500.000.000 đồng, đến nay vốn điều lệ công ty là 135.500.000.000 đồng.

Giai đoạn 2010 – hiện nay

Từ tháng 7 năm 2011, Công ty CP May Hưng yên đổi tên thành Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần. Trong giai đoạn này, Công ty luôn áp dụng tối đa các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất; đồng thời đào tạo chọn lọc nguồn nhân lực để chuẩn bị đội ngũ kế cận trong quá trình mở rộng sản xuất. Với kinh nghiệm tích lũy trong việc mở rộng sản xuất và mong muốn tạo thêm nhiều việc làm cho lao động nông thôn, Tổng Công ty tiếp tục xây dựng thêm 4 nhà máy mới với tổng vốn đầu tư 122 tỷ đồng, tạo thêm việc làm cho 2.000 lao động, đưa tổng số lao động trong toàn hệ thống lên 13.000 người. Đồng thời, việc phát triển sản xuất ở các công ty đã đầu tư trong giai đoạn trước đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong toàn Tổng Công ty. Tính đến cuối 2018, Tổng vốn chủ sở hữu của các công ty trong toàn hệ thống đã tăng lên trên 500 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 380 triệu USD, doanh thu đạt 1.750 tỷ đồng, tổng lợi nhuận đạt mức 320 tỷ đồng.

Ngoài việc nâng cao mức thu nhập bình quân cho người lao động đạt gần 8 triệu đồng/người/tháng (năm 2015), năm 2016 đạt 8 triệu đồng/người/tháng, năm 2017 đạt trên 8 triệu đồng/người/tháng, năm 2018 đạt 9,0 triệu đồng/người/tháng.

Phát huy truyền thống đạt được 5 năm từ 2011 - 2016, Tổng Công ty tiếp tục nhận được cờ thi đua của Chính phủ và cờ thi đua của Tổng Liên đoàn LĐVN. Ba năm liên tục (2014 – 2016), Tổng Công ty được bình chọn là Doanh nghiệp vì người lao

động. Để ghi nhận những nỗ lực vượt bậc của CBCNV, Tỉnh ủy Hưng Yên đã tặng cờ thi đua xuất sắc năm 2015, 2016 cho Đảng bộ Tổng Công ty.

Trong những năm tiếp theo, căn cứ định hướng phát triển của ngành Dệt may Việt Nam đến năm 2020, Tổng Công ty May Hưng Yên sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực, duy trì và phát triển các công ty thành viên theo hướng bền vững, đồng thời mỗi năm tăng thêm từ 5-10 chuyên sản xuất, đến năm 2020, nâng số lao động của các công ty trong toàn hệ thống lên 15.000 lao động. Thu nhập bình quân tăng 10%/năm. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, xây dựng lộ trình và phương án sản xuất theo hướng FOB, ODM và chuẩn bị các điều kiện tham gia TPP thông qua việc đổi mới công nghệ hiện đại và nâng cao hiệu quả quản trị.

Ngày 29/11/2017, Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 218/2017/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán là HUG. Ngày 18/12/2017, Tổng công ty may Hưng Yên chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, gia công các mặt hàng may mặc...
- Địa bàn kinh doanh: Trong nước và xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chủ yếu: USA 65%, EU 25%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị của Tổng công ty:

Đại hội đồng cổ đông

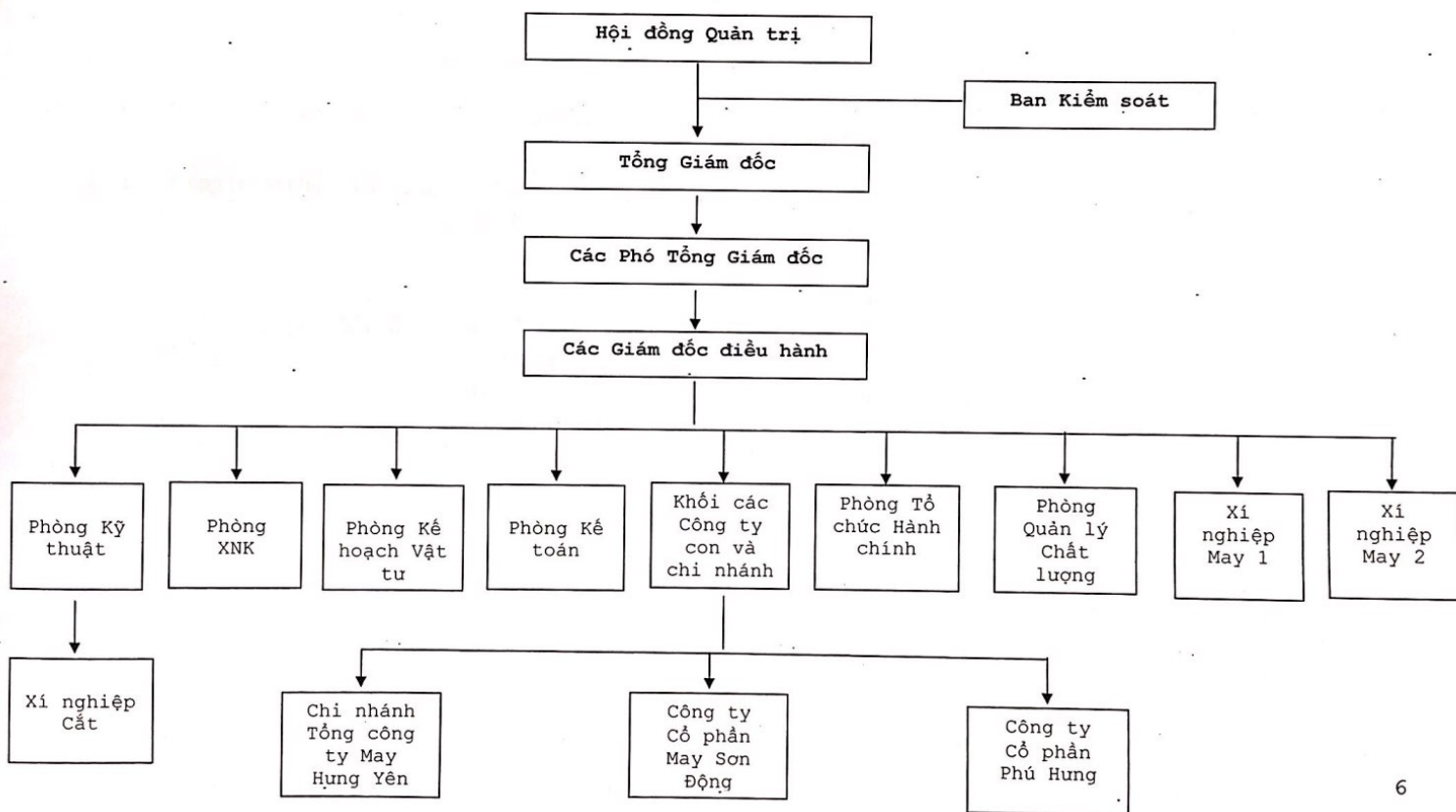
Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban điều hành (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành)

Các phòng ban tham mưu, các xí nghiệp sản xuất

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng công ty:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty:

- Các công ty con của Tổng công ty:

STT	Tên công ty	Thông tin liên hệ	Số Giấy CNĐKDN, Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp của Hugaco (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Hugaco
1	Công ty Cổ phần Phú Hưng	Xã Đình Cao, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên SDT: 04.38626796 Fax: 04.38626767	Giấy CNĐKDN số: 0107386444 Sản xuất, xuất nhập khẩu các sản phẩm may mặc	10,2	51%
2	Công ty Cổ phần May Sơn Động	Thôn Mặn, Xã An Lập, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang SDT: 08.38233522 Fax: 08.38233521	Giấy CNĐKDN số: 0313767685 Sản xuất sản phẩm dệt may	19,6	78,4%

- Các công ty liên kết của Tổng công ty:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp của Hugaco (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Châu Giang – Hưng Yên	Thôn Đông Kết, Xã Đông Kết, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm dệt may	13,35	46%
2	Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Ninh Bình	Số 490 Nguyễn Công Trứ, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	Sản xuất sản phẩm dệt may	16,19	42,5%
3	Công ty Cổ phần Tiên Hưng	Thị trấn Vương, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm dệt may	10,96	41,73%
4	Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Ninh Bình 2	Khu làng nghề, Phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	Sản xuất sản phẩm dệt may	9	30%

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng, phát triển Tổng công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu của ngành dệt may Việt Nam. Phát triển bền vững và hiệu quả trên cơ sở công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế: xanh, sạch, công khai minh bạch và thân thiện với môi trường.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Tổng công ty cho các cổ đông, nâng cao giá trị của Tổng công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.
- Xây dựng và phát triển Tổng công ty trở thành một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có tiềm lực tài chính vững mạnh, trình độ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Dệt May Việt Nam.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư phát triển Tổng công ty theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững và có hiệu quả.
- Chú trọng xây dựng và tăng cường mối liên kết với các tập đoàn phân phối, bán lẻ trên thế giới, từng bước tham gia vào chuỗi liên kết với các nhà sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu, liên kết tiêu thụ sản phẩm.
- Đẩy mạnh và phát triển thị trường xuất khẩu, lấy xuất khẩu làm mục tiêu phát triển của Tổng công ty.
- Xây dựng Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, quản lý công ty con trên cơ sở phát triển khoa học công nghệ và thị trường.
- Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng, chất lượng và chuyên nghiệp. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật công nghệ; thiết kế nhằm tạo ra đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân có tay nghề cao, chuyên sâu.

Các mục tiêu phát triển bền vững:

Tuân thủ luật Tài nguyên môi trường, thực hiện tốt các chính sách xã hội thông qua việc tuân thủ luật lao động, luật BHXH và các luật khác có liên quan, đóng góp, chia sẻ các hoạt động xã hội, cộng đồng (trợ cấp học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các trung tâm đào tạo trẻ em khuyết tật, hỗ trợ nhân dân ở vùng thiên tai, vùng sâu, vùng xa...)

5. Các rủi ro

- Rủi ro về nhân sự: Thị trường lao động liên tục biến động, đặc biệt là lao động thuộc ngành dệt may khi các doanh nghiệp FDI liên tục đầu tư vào Việt Nam, chính vì vậy việc giữ chân người lao động và công tác quản trị nhân sự tại Tổng công ty May Hưng Yên được đặc biệt quan tâm. Trong nhiều năm qua, Tổng công ty không ngừng nghiên cứu và hoàn thiện các chính sách chăm sóc, đãi ngộ nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người lao động.

- Các rủi ro về thị trường; rủi ro về tỷ giá; rủi ro về lãi suất, bảo hiểm; rủi ro về cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Thuận lợi:

- Chính phủ, các Bộ ngành đã có nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đã giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp như thời gian, thủ tục xuất nhập khẩu; thời gian hoàn thuế...

- Tổng công ty may Hưng Yên sau hơn 50 năm phát triển và trưởng thành đã xây dựng vị thế vững chắc trong lòng khách hàng, người lao động và chính quyền địa phương.

- Vấn đề thu nhập ổn định, quan tâm đến người lao động, sự tuân thủ và minh bạch về chế độ chính sách đã xây dựng lòng tin cho người lao động, vì vậy lao động trong năm 2018 Công ty ổn định.

1.2 Khó khăn:

- Mức lương tối thiểu vùng tiếp tục tăng làm tăng các chi phí Bảo hiểm xã hội, công đoàn. Đồng thời các chi phí bảo vệ môi trường, giao thông, cảng biển... liên tục tăng làm tăng nhiều chi phí cho doanh nghiệp. Làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp

- Một số nước như Ấn Độ, Bangladesh, Trung Quốc hạ giá đồng nội tệ từ 8 - 15%, làm cho giá hàng xuất khẩu của họ giảm; buộc doanh nghiệp phải giảm giá để giữ đơn hàng.

- Xu hướng thời trang chuyển động nhanh, khiến yêu cầu về thời gian sản xuất và giao hàng ngắn lại, gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với tinh thần chủ động, sáng tạo, đoàn kết và linh hoạt; sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo nên Tổng công ty đã vượt qua những khó khăn trong năm 2018, đạt được thành tích sản xuất kinh doanh với tỷ lệ tăng trưởng và hiệu quả cao trên tất cả các mặt công tác, được thể hiện tại báo cáo kết

quả sản xuất, kinh doanh sau đây:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh tỷ lệ %	
						1	2
1	Doanh thu	USD	17,839,533	15,000,000	20,709,061	138%	116%
2	Doanh thụ bán hàng	Tỷ đồng	526.4	450	605.5	135%	115%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	97.3	60	109.5	181%	113%
4	Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	8,000,000	8,500,000	9,000,000	106%	113%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15.7	15	17.811	119%	113%
6	Đầu tư thiết bị	Tỷ đồng	11.6	> 10	25.9	259%	223%
7	Lao động Bình quân	Người	2,230	2,200	2,265	103%	102%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Tt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Số CMND
1	Phạm Thị Phương Hoa	TGD	26/4/1967	Số 54 Vũ Trọng Phụng, P. Lê Lợi, Tp Hưng Yên, T. Hưng Yên	Số:145278636 Ngày cấp: 30/10/2008 Nơi cấp:CA T.Hung Yên
2	Phạm Thị Lan Hương	Phó TGD	20/7/1964	Số 4 Lê Lai, P. Lê Lợi, Tp Hưng Yên, T. Hưng Yên	Số: 145410209 Ngày cấp: 04/05/2007 Nơi cấp:CA T.Hung Yên
2	Nguyễn Văn Trung	Phó TGD	11/8/1966	Số 56 Đông thành, P.Quang trung, Thành phố Hưng yên, T. Hưng yên	Số: 145229356 Ngày cấp: 17/10/2008 Nơi cấp:CA T.Hung Yên
3	Chu Hữu Nghị	Phó TGD	31/10/1971	Tập thể bắc thành, Quang Trung, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng yên	Số: 145274917 Ngày cấp: 20/02/2004 Nơi cấp:CA T.Hung Yên
4	Bùi Thị Lý	Phó TGD	20/10/1966	số 24, Trưng nhị, Thành phố Hưng yên,	Số: 145163469 Ngày cấp: 10/11/2005

			Hưng Yên	Nơi cấp: CA T. Hưng Yên
--	--	--	----------	-------------------------

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành và cán bộ quản lý trong năm 2018:

Stt	Họ và tên	Số cp	Thành tiền	Tỷ lệ
1	Phạm thị Phương Hoa	130,967	1,309,670,000	0,97%
2	Nguyễn Văn Trung	156,176	1,561,760,000	1.15%
3	Phạm thị Lan Hương	129,685	1,296,850,000	0.96%
4	Chu Hữu Nghị	32,948	329,480,000	0.24%
5	Bùi thị Lý	57,746	577,460,000	0.43%
6	Trần thị Hương	6,856	68,560,000	0.05%
7	Hoàng thị Hương	26,205	262,050,000	0.19%
8	Hoàng Xuân Nam	30,000	300,000,000	0.22%
9	Trần Văn Chinh	30,173	301,730,000	0.22%
10	Vũ thị Giáng Hương	19,000	190,000,000	0.14%
11	Nguyễn Thị Hạnh	6,376	63,760,000	0.05%
12	Đinh thị Thu Hương	29,204	292,040,000	0.22%
13	Hoàng thị Thanh	37,556	375,560,000	0.28%
14	Nguyễn văn Đại	14,740	147,400,000	0.11%
15	Đoàn Văn Học	11,786	117,860,000	0.09%
16	Nguyễn thị Hà	28,224	282,240,000	0.21%
17	Trần Thị Thanh Bình	8,620	86,200,000	0.06%
18	Phạm Ngọc Hoàn	3,183	31,830,000	0.02%
19	Đặng Thị Nhung	7,168	71,680,000	0.05%
20	Vũ thị Yến	11,111	111,110,000	0.08%
21	Nguyễn Thị Nam Hải	11,967	119,670,000	0.09%

22	Trương thị Phương	20,047	200,470,000	0.15%
23	Nguyễn Văn Việt	9,012	90,120,000	0.07%
24	Nguyễn Thị Nụ	1.500	15.000.000	0.01 %
25	Nguyễn Thị Sứ	7.996	79.960.000	0.05 %
Cộng		1,828.246	8.282.460.000	6.11%

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2018, Ban điều hành Tổng công ty May Hưng Yên có sự thay đổi, cụ thể: Bà Bùi Thị Lý – Giám đốc điều hành được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 10/4/2018.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 2.316 lao động

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1) Tình hình đầu tư năm 2018:

Trong năm 2018, Tổng công ty có thoái vốn tại Công ty cổ phần may Hưng Bình .

3.2) Các công ty con, công ty liên kết:

*/ Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Tên Công ty	Doanh thu	LN sau thuế	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Phú Hưng	66.552.149.499	5.431.119.749	
2	Công ty cổ phần May Sơn Động	32.121.971.315	(2.593.600.448)	

*/ Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Tên Công ty	Doanh thu	LN sau thuế	Ghi chú
1	Công ty CP Châu Giang - Hưng Yên	42.10.530.832	2.087.333.542	
2	Công ty cổ phần May XK Ninh Bình	78.007.085.627	8.257.906.929	
3	Công ty cổ phần Tiên Hưng	478.878.554.917	68.374.962.843	
4	Công ty cổ phần May XK Ninh Bình 2	58.925.902.865	3.665.714.697	

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Tại Công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	565,453,555,833	530,776,505,863	107%
Doanh thu thuần	605,554,826,055	526,482,927,264	115%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	108,816,576,732	96,984,025,502	112%
Lợi nhuận khác	722,433,320	355,825,543	203%
Lợi nhuận trước thuế	109,539,010,052	97,339,851,045	113%
Lợi nhuận sau thuế	95,074,101,985	83,660,467,923	114%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.65	1.55
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1.47	1.41
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	45.1	46.2
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	82.1	85.9
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2.31	2.65
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.07	0.99
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	15.7	15.9
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	30.6	29.3
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	16.8	15.8
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	18.0	18.4

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cp chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
13.550.000	Cổ phần phổ thông	13.550.000	0

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	1	4.743.446	35,01%
II	Cổ đông khác	817	8.806.554	64,99%
1	Cá nhân trong nước	816	8.804.354	64,97%
2	Tổ chức trong nước	0	0	0%
3	Cá nhân nước ngoài	0	0	0%
4	Tổ chức nước ngoài	1	2.200	0,02%
	Tổng cộng:	818	13.550.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không thay đổi*

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5 Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Trong năm 2018, Công ty sử dụng nguyên liệu vải và phụ liệu các loại với tổng giá trị: 51.137.358 USD

6.2 Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Giá nhiên liệu		Mục đích sử dụng
Than Kíp lê	1.330	Tấn	3.900.000	đ/tấn	Đốt lò hơi
Dầu diezen	5.525	Lít	14.300	đ/lít	Chạy máy phát điện
Xăng	10.031	Lít	18.090	đ/lít	Chạy ô tô
Điện năng	2.936.924	Kw	1.915	đ/Kw	Thắp sáng, chạy MMTB

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung nước: từ công ty CP kinh doanh nước sạch HY

Lượng nước sử dụng trong năm: 33.948 m³, giá trị: 481.212.900 đ

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không xác định

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động: 2.316 lao động, mức lương bình quân 7.500.000 đ/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Với khẩu hiệu “Đời sống và thu nhập của người lao động là thước đo năng lực và đạo đức của người quản lý” vì vậy năm 2018 đời sống và thu nhập của người lao động tiếp tục được nâng cao. Cụ thể như sau:

- Duy trì mức ăn ca của người lao động ở mức 12.000đ/bữa .

- Mức thu nhập bình quân đạt trên 9,0 triệu đồng/người/tháng, tăng 12% so với năm 2017.

- Đào tạo nghề miễn phí và cấp thêm tiền ăn 3 tháng cho lao động mới.

- Miễn phí tiền thuê nhà trọ 3 tháng cho công nhân mới vào làm việc.

- Phụ cấp tiền xăng xe cho mỗi lao động 5.000 đồng/người/ngày.

- Tham gia Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; mua bảo hiểm thân thể 24/24h cho 100% CBCNV.

- Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV Tổng công ty mỗi năm 2 lần. nhờ đó đã phát hiện và điều trị kịp thời cho CBCNV.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đồng phục cho CBCNV.

- Quan tâm tới sức khỏe của người lao động tại nơi làm việc, tạo môi trường làm việc thoáng mát, sạch sẽ.

- Tổ chức tặng hoa và quà sinh nhật cho từng CBCNV theo từng ngày.

- Tổ chức cho CBCNV đi tham quan, du lịch. Tổng chi năm 2018 là 3,3 tỷ đồng

- Năm 2018, Tổng công ty thưởng cho 809 cháu là con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập với tổng số tiền là 82 triệu đồng; Tổ chức vui tết Trung thu, tết thiếu nhi cho các cháu là 263 triệu đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Tổng công ty đặc biệt chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực cả trước mắt và lâu dài:

- Năm 2018, Trung tâm đào tạo của Tổng công ty đã tuyển và đào tạo tại chỗ 656 lao động để bổ sung cho các chuyên may.
- Tổ chức đào tạo 08 lớp học nâng cao tay nghề cho người lao động
- Tổ chức 1 lớp nâng cao kiến thức quản lý cho cán bộ quản lý
- Tiếp tục cử cán bộ đi học nâng cao tay về quản lý sản xuất do Tập đoàn tổ chức nhằm phục vụ chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- Tạo điều kiện tối đa có cán bộ, công nhân viên có nhu cầu tự đăng ký tham gia các chương trình đào tạo phục vụ cho công việc.

Tổng kinh phí để đầu tư cho công tác đào tạo năm 2018 là 2,3 tỷ đồng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

Năm 2018, đại đội tự vệ Tổng công ty giữ vững danh hiệu “Quyết thắng”. Luôn đảm bảo công tác an ninh nội bộ, bảo vệ tài sản của doanh nghiệp và của người lao động. Phối hợp, hợp đồng tác chiến với Công an thành phố và Công an phường sở tại để giữ gìn và đảm bảo an ninh trong công ty và khu vực.

Tổng công ty luôn thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tham gia xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ xoá đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bão lụt,... với tổng số tiền 1,3 tỷ đồng. Nhất là trong dịp tết Nguyên đán, Tổng công ty phối hợp với Thành phố tặng 450 suất quà cho gia đình khó khăn trong tỉnh. Tiếp tục trợ cấp cho 88 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của tỉnh đến khi các cháu học hết PTTH.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2018 hoạt động SXKD mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn thách thức nhưng lãnh đạo Tổng công ty đã tổ chức thực hiện triệt để hàng loạt các giải pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh cùng với sự nỗ lực, tận tâm, nhiệt huyết của toàn thể CBCNV hăng hái thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát huy tối đa các nguồn lực để hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	TH 2018 / TH 2017
Doanh thu thuần	526,482,927,264	605,554,826,055	115%
Lợi nhuận trước thuế	97,339,851,045	109,539,010,052	113%
Lợi nhuận sau thuế	83,660,467,923	95,074,101,985	114%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	TH 2018 / TH 2017
Doanh thu thuần	578,423,482,455	673,105,092,549	116%
Lợi nhuận trước thuế	106,759,874,971	126,897,886,265	119%
Lợi nhuận sau thuế	91,946,983,405	110,664,134,071	120%

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2018:

- Công ty mẹ: Đầu năm : 530.776.505.863 đồng, cuối năm: 565.453.555.833 đồng

- Hợp nhất: Đầu năm: 605.522.999.437 đồng, cuối năm: 655.351.707.870 đồng

Như vậy trong năm 2018: +/Tổng tài sản công ty mẹ tăng: 34,6 tỷ đồng

+/ Hợp nhất tăng: 49,8 tỷ đồng

2.2 Tình hình nợ phải trả năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Nợ phải trả	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ %
Công ty mẹ	245.315.311.329	254.995.352.898	104%
Hợp nhất	254.089.529.213	270.327.303.109	106%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Tổng công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, không có khoản nào được tính là nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Năm 2019
Doanh thu (VNĐ)	550.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	65.000.000.000

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.000.000
Chia cổ tức (%)	30%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

* Mức tiêu thụ năng lượng bình quân/ tháng trong năm 2018

- Nước máy = 2.829 m³/ tháng
- Điện = 244.743 KW/ tháng
- Than = 110.906 Kg/ tháng
- Dầu = 460 Lit/ tháng
- Xăng = 836 Lit/ tháng

* Phát thải:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Gồm rác trong quá trình chế biến của Nhà ăn ca và giấy vệ sinh, Lá cây. Khối lượng phát sinh là 5.155 kg/ tháng.

+ Chất thải sản xuất:

- Chất thải rắn thông thường: Gồm vải vụn, bông vụn, bìa catton ... khối lượng phát sinh là 20.000 kg/ tháng.

- Chất thải nguy hại: Gồm bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu nhờn thải, giẻ dính dầu và rác thải y tế. Khối lượng phát sinh/ tháng là:

TT	Tên CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng kg/tháng	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	160106	12	
2	Giẻ lau dính Dầu	Rắn	180201	1	
3	Chất thải y tế	Rắn	130101	0.5	
4	Dầu nhờn thải	Lỏng	170203	9	
Tổng:				22.5	

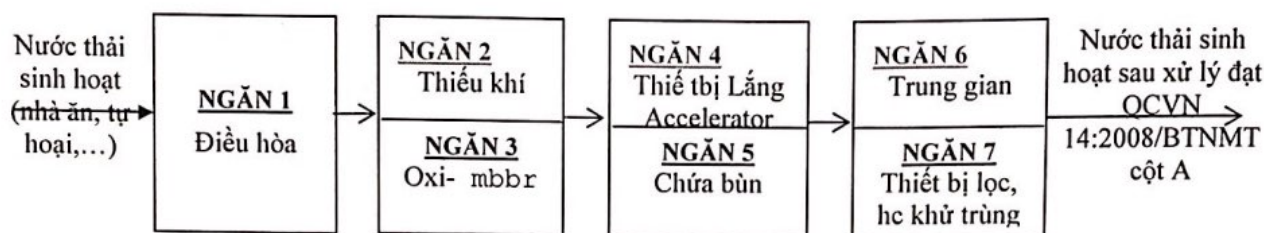
* Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và tài nguyên:

Công ty đã lập hồ sơ xin phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận và được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả thải số 268/GP-STNMT ngày 15/7/2015.

Tổng công ty đang trong quá trình xây dựng dự án hệ thống xử lý nước thải theo yêu cầu luật môi trường và các quy định của UBND Tỉnh Hưng Yên. Đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A) trước khi xả thải ra môi trường và thông báo

bằng văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Công trình thu gom, xử lý nước thải:



Công trình xử lý bụi, khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ lò hơi đốt than được Công ty có hệ thống xử lý bằng phương pháp ướt và khí thải ra môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép.

+ Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất được Công ty xử lý bằng phương pháp lọc đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất để xử lý.

* Tiết kiệm năng lượng và tài nguyên bảo vệ môi trường:

Giáo dục ý thức tiết kiệm, sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên như điện, nước bằng cách tuyên truyền, dán những khẩu hiệu nơi cần thiết.

Giáo dục CBCNV cách phân loại chất thải: Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn có thể tái chế được, chất thải nguy hại.

Phấn đấu tiết kiệm năng lượng và tài nguyên bảo vệ môi trường có hiệu quả làm giảm chi phí cho doanh nghiệp nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Tại thời điểm tháng 31/12/2018, Tổng công ty may Hưng Yên có 2.316 lao động trong đó: Có 2.316 lao động tham gia BH.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2018, đại đội tự vệ Tổng công ty giữ vững danh hiệu “Quyết thắng”. Luôn đảm bảo công tác an ninh nội bộ, bảo vệ tài sản của doanh nghiệp và của người lao động. Phối hợp, hợp đồng tác chiến với Công an thành phố và Công an phường sở tại để giữ gìn và đảm bảo an ninh trong công ty và khu vực.

Tổng công ty luôn thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, tham gia xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ xoá đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bão lụt,...với tổng số tiền 1,3 tỷ đồng, nhất là trong dịp tết nguyên đán Tổng công ty phối hợp với thành phố tặng 450 suất quà cho gia đình khó khăn trong tỉnh. Tiếp tục trợ cấp cho 88 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của tỉnh đến khi các cháu học hết PTH.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1/ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018 hoạt động SXKD mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn thách thức nhưng lãnh đạo Tổng công ty đã tổ chức thực hiện triệt để hàng loạt các giải pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh cùng với sự nỗ lực, tận tâm, nhiệt huyết của toàn thể CBCNV. Do vậy trong năm 2018, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Tổng công ty đã đạt được những kết quả khả quan, hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống của người lao động không ngừng được cải thiện, vị thế và danh tiếng của Tổng công ty May Hưng Yên ngày càng được khẳng định trên thương trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao về tinh thần đoàn kết một lòng, thái độ trách nhiệm, tinh thần làm việc khoa học và quyết tâm cao của Ban giám đốc Tổng công ty; đã hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu năm 2018, thực hiện tốt và đầy đủ các nhiệm vụ chiến lược của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mục tiêu chiến lược phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới:

1 – Đào tạo nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ quản lý cấp cao đáp ứng yêu cầu kế thừa và phát triển trong giai đoạn tới.

2 – Đào tạo và nâng cao kỹ năng, trình độ của đội ngũ công nhân, nhân viên, cán bộ quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu kinh doanh theo hướng, chuyển dần sang kinh doanh theo hình thức mua nguyên liệu, bán sản phẩm (FOB). Từng bước thâm nhập và phát triển thị trường trong nước cùng với việc phát triển theo hướng sản xuất ODM, OBM.

3 - Giữ vững thị trường cũ, phát triển thị trường mới tiềm năng để tận dụng các cơ hội, các hiệp định mà Việt Nam đã và đang ký kết.

4 – Tăng năng xuất lao động nhằm giữ giá, cạnh tranh với các nước xuất khẩu, mở rộng thêm thị phần ở các khách hàng truyền thống.

5 - Nâng cao thu nhập và đời sống mọi mặt cho người lao động.

6 - Đáp ứng tốt nhất các yêu cầu về cơ sở vật chất, trách nhiệm xã hội với người lao động để đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá của mọi khách hàng.

7 - Từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm để có thể đáp ứng cung cấp những đơn hàng chất lượng cao cho thị trường.

8 – Nâng cao ý thức trách nhiệm và tác phong công nghiệp cho người lao động nhằm xây dựng đội ngũ công nhân đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong

giai đoạn mới.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn bộ.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán (báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất) bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được đăng tải trên website: hugaco.vn.

TỔNG CÔNG TY MAY HƯNG YÊN – CTCP



Phạm Thị Phương Hoa